TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HSST
Ngày: 11/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Lợi

2. Bà Lê Thị Tự

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*:** Ông Nguyễn Hồng Thái - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 183/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1428/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Đào Minh P, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2000, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 84/1 Bùi Viện, phường X, Quận Y, Thành phố H; chỗ ở hiện nay: 199/5 Đề Thám, phường X, Quận Y, Thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Thanh H và bà Lê Thị Kim Ph; có vợ Nguyễn Thị Kim H (không đăng ký kết hôn), có một con sinh năm 2019; tiền án: Ngày 07 tháng 12 năm 2018 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo bản án số 497/2018/HSST; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đào Thị Thúy H, sinh năm: 1992; chỗ ở hiện nay: 166/7 Bùi Viện, phường X, Quận Y**,** Thành phố H. (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2000; chỗ ở hiện nay: TK 53/43 Võ Văn Kiệt, phường X, Quận Y, Thành phố H. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 10 tháng 8 năm 2020, Đào Minh P đang uống cà phê tại quán gần khu vực cầu Ván trên đường Phạm Thế Hiển, Quận 8 thì gặp đối tượng tên Tý quen biết ngoài xã hội không rõ nhân thân, lai lịch. Qua trò chuyện P biết Tý bán ma túy tổng hợp nên P mua của Tý 1.000.000 đồng ma túy. Sau khi mua, P đem ma túy về nhà thuê tại số 84/30 Bùi Viện, phường X, Quận Y sử dụng một ít. Khoảng 07 giờ 30 ngày 11 tháng 8 năm 2020, P đi qua nhà vợ (chưa có đăng ký kết hôn) ở hẻm số 4 Trần Hưng Đạo, phường X, Quận Y và đem theo số ma túy sử dụng còn dư để trong túi áo khoác đang mặc. Đến 11 giờ 45 phút cùng ngày, P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 59T1-748.51 lưu thông đến trước nhà số 120 Trần Hưng Đạo, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 thì bị các trinh sát thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy đi tuần tra, phát hiện P có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên yêu cầu dừng xe để kiểm tra. P thấy vậy liền dùng tay trái lấy trong túi áo khoác phía trước, bên trái đang mặc ra 01 gói nylon bên trong đựng 01 gói nylon chứa ma túy tổng hợp thả xuống đất cạnh chân trái thì bị phát hiện thu giữ vật chứng và đưa P cùng phương tiện về trụ sở Công an phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tại cơ quan điều tra, P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Theo bản kết luận giám định số: 1384/KLGĐ-H ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Đào Minh P và hình dấu Công an phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,6886g, loại Methamphetamine.

Bản cáo trạng số: 185/CT-VKS ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Đào Minh P về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo

phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, phạt tiền bị cáo 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 gói niêm phong ghi vụ số 1384/20Q1 chứa chất ma túy bên trong có 0,6886g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine (mẫu vật còn lại sau khi sử dụng phục vụ công tác giám định); 01 áo khoác màu xám.

- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, biển kiểm soát 59T1-748.51 cần tiếp tục thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng, hết thời hạn trên không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đến nhận xe thì tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo P đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản tự khai, tờ tự khai, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định,… nên có căn cứ để kết luận bị cáo P đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, với khối lượng 0,6886g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo P đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao. Bị cáo đủ nhận thức để biết rõ tác hại của ma túy nhưng vì muốn thỏa mãn động cơ cá nhân nên bất chấp xem thường pháp luật cố tình phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến chế độ quản lý độc quyền về các chất gây nghiện của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác, bị cáo có tiền án về tội cướp giật tài sản nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội thể hiện thái độ xem thường pháp luật, đồng thời thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên cần có mức án nghiêm khắc để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải nộp một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước.

[6] Đối với đối tượng tên Tý bán ma túy cho bị cáo P, quá trình điều tra chưa truy tìm, xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra Công an Quận 1 tiếp tục xác minh làm rõ có cơ sở xử lý sau.

[7] Vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 gói niêm phong ghi vụ số 1384/20Q1 chứa chất ma túy bên trong có 0,6886g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine (mẫu vật còn lại sau khi sử dụng phục vụ công tác giám định); 01 áo khoác màu xám là vật chứng của vụ án cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, biển kiểm soát 59T1-748.51, số khung: RLHJF5803EY147796, số máy: JF58E0147911. Qua xác minh xe do bà Đào Thị Thúy H, sinh năm: 1992, trú tại 166/7 Bùi Viện, phường X, Quận Y, Thành phố H đứng tên đăng ký xe nhưng qua xác minh bà H đi đâu không rõ, không có mặt tại địa phương từ tháng 12 năm 2015 cho đến nay. Bị cáo P khai nhận mượn xe trên của chị họ là Đào Thị Thúy H đi công việc rồi phạm tội. Tại phiên tòa bà H khai xe trên do bà đứng tên chủ sở hữu, do buồn chuyện gia đình nên bà bỏ nhà đi không báo chính quyền địa phương, bà cho bị cáo P mượn xe đi công việc không biết bị cáo P sử dụng xe vào việc phạm tội, bà mong muốn được

nhận lại xe làm phương tiện đi lại. Tuy nhiên, bà H không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh về nhân thân của bà cũng như các tài liệu chứng cứ khác liên quan đến xe trên nên việc bà yêu cầu nhận lại xe là không có cơ sở. Do đó, cần tiếp tục giao xe trên cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiếp tục thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng, hết thời hạn trên không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đến nhận xe thì tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo P phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy: Tuyên bố: Đào Minh P phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Đào Minh P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 8 năm 2020.

Buộc bị cáo Đào Minh P phải nộp phạt 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Việc bị cáo Đào Minh P nộp số tiền phạt nêu trên phải được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy gói 01 (một) gói niêm phong ghi vụ số 1384/20Q1 chứa chất ma túy; 01 áo khoác màu xám.

Giao 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, biển kiểm soát 59T1-748.51, số khung: RLHJF5803EY147796, số máy: JF58E0147911 cho cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng, hết thời hạn trên không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đến nhận xe thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 241/20-PNK ngày 01 tháng 11 năm 2020 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Đào Minh P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự; trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo Đào Minh P, bà Đào Thị Thúy H, bà Nguyễn Thị Kim H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 1, Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, Tp. HCM;
- Công an Quận 1, Tp. HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Tuân